

Bài VIII. CÁCH MẠNG NÊĐÉCLAN

I. Tình hình Nêđéclan trước cách mạng :

1. Vài nét về lịch sử :

Nêđéclan nghĩa là xứ thấp. Phạm vi địa lý của Nêđéclan gồm các nước Hà Lan, Bỉ, Luyxămbua và một số vùng ở Đông bắc nước Pháp.

Thời cổ đại Nêđéclan là một tỉnh của đế quốc La Mã.

Đầu thời trung đại, Nêđéclan nằm trong bản đồ của vương quốc Phrăng.

Đến đầu thế kỷ XVI, do quan hệ kế thừa Nêđéclan và Tây Ban Nha trở thành một vương quốc thuộc quyền thống trị của Sác lơ I, cháu nội của Hoàng đế Đức và đồng thời là cháu ngoại của vua Tây Ban Nha. Năm 1519, Sác lơ I trở thành hoàng đế Đức hiệu là Sác lơ V. Phạm vi thống trị của Sác lơ V bao gồm Đức, Tiệp Khắc, Hungari, Tây Ban Nha, Nêđéclan ...

Năm 1556, Sác lơ V thoái vị, đế quốc Sác lơ V chia thành hai nước: Ngôi hoàng đế được truyền cho em của Sác lơ V là Phécđinăng, còn ngôi vua Tây Ban Nha thì truyền cho con là Philip II (1556-1598). Nêđéclan vẫn là một bộ phận của vương quốc Tây Ban Nha.

2. Tình hình kinh tế xã hội:

a. Kinh tế : Đến thế kỷ XVI Nêđéclan là một nước có nền công thương nghiệp phát triển sớm ở Tây Âu.

Do vậy, Nêđéclan là một nước có nhiều thành phố, trong đó nổi tiếng nhất là Anvécpen.

Trong nông nghiệp, một số lãnh chúa phong kiến đã kinh doanh ruộng đất theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Một số thị dân giàu có thì mua ruộng đất của quý tộc rồi thuê người làm giống như các chủ trang trại.

Như vậy, đến thế kỷ XVI, quan hệ tư bản chủ nghĩa đã thâm nhập vào các lĩnh vực kinh tế.

b. Xã hội: Cùng với sự phát triển về kinh tế, cơ cấu giai cấp trong xã hội cũng thay đổi:

- Giai cấp quý tộc phong kiến phân hoá, một bộ phận thay đổi phương thức kinh doanh do đó biến thành tầng lớp quý tộc mới.

- Giai cấp tư sản đang hình thành bao gồm các thương nhân lớn và các ông chủ công trường thủ công.

- Tầng lớp bình dân thành thị bao gồm thợ thủ công nghèo, nông dân khuân vác...

- Giai cấp nông dân cũng có sự phân hóa. Đến thế kỷ XVI nói chung chế độ nông nô đã tan rã, một bộ phận nông dân trở thành phú nông, trái lại một số khác

bị phá sản biến thành cố nông, công nhân công trường thủ công hoặc những kẻ lang thang.

c. Về tôn giáo :

- Tầng lớp quý tộc cũ vẫn theo đạo Thiên chúa.
- Tầng lớp quý tộc mới thường theo Tân giáo Luthơ.
- Giai cấp tư sản và phú nông theo Tân Giáo Canvanh.
- Bình dân thành thị, nông dân thì theo Tân Giáo Canvanh hoặc theo phái Rửa tội lại ⁽¹⁾.

3. Chính sách thống trị của Tây Ban Nha đối với Nêđécclan:

- **Về chính trị:** Để thống trị Nêđécclan, hoàng đế Đức và từ năm 1556 về sau là vua Tây Ban Nha cử một viên Toàn quyền đóng ở Bryuxen, đồng thời cử một Hồng y giáo chủ làm phụ chính. Thời Philip II, Tây Ban Nha còn cho quân sang chiếm đóng Nêđécclan.

- **Về tôn giáo :** Sácơ V thi hành chính sách đàn áp khốc liệt các loại Tân giáo. Đặc biệt năm 1550, Sácơ V ban bố sắc lệnh quy định không những tín đồ Tân giáo bị xử tử mà những người giúp đỡ, che giấu thậm chí nói chuyện thân mật với tín đồ Tân giáo cũng bị tịch thu tài sản.

- **Về kinh tế :** Sácơ V và Philip II đã đặt ra ở Nêđécclan một chế độ thuế khoá hết sức nặng nề, đồng thời còn cấm các thuyền buôn của Nêđécclan không được buôn bán với các thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ.

Như vậy, dưới sự thống trị của phong kiến Tây Ban Nha, nhân dân Nêđécclan bị mất tự do về chính trị, bị đàn áp về tôn giáo và bị phá hoại về kinh tế. Do vậy, đại đa số quần chúng nhân dân bị phá sản.

Tóm lại, trước cách mạng, trong xã hội Nêđécclan có 2 mâu thuẫn chủ yếu:

- Mâu thuẫn giữa nhân dân Nêđécclan với phong kiến Tây Ban Nha.
- Mâu thuẫn giữa quan hệ tư bản chủ nghĩa mới ra đời với chế độ phong kiến.

Mâu thuẫn thứ nhất chính là nguyên nhân trực tiếp thúc đẩy cuộc đấu tranh sớm bùng nổ, còn mâu thuẫn thứ 2 là yếu tố quyết định tính chất của cuộc cách mạng Nêđécclan.

¹)*Phái rửa tội lại* chủ trương ngoài lần rửa tội lúc mới ra đời, người lớn phải rửa tội một lần nữa, còn việc thờ ảnh tượng và các nghi thức khác đều bị bãi bỏ.

Lý tưởng của họ là “Thiên quốc nghìn năm” tức là một xã hội khác hẳn với xã hội đầy áp bức bóc lột đương thời

II. Diễn biến cuộc cách mạng:

1. Hoạt động hợp pháp của một số quý tộc:

Do chính sách thống trị của Tây Ban Nha, trong giai cấp quý tộc cũng có một bộ phận không đồng tình nên họ là những kẻ đầu tiên lên tiếng yêu cầu phải sửa đổi những chính sách ấy.

- Năm 1563, ba nhà đại quý tộc là hoàng thân Vinhem Orăng, Bá tước Ecmông và Đô đốc Hoócơ trước Hội đồng nhà nước đã yêu cầu Tây Ban Nha rút quân đội, triệu hồi Hồng y giáo chủ Gravenla, thủ tiêu các lệnh trừng trị Tân giáo, nhưng chính quyền Tây Ban Nha không đáp ứng đầy đủ.

- Năm 1565, Bá tước Ecmông sang Tây Ban Nha triều kiến Philip II để trình bày các điều thỉnh nguyện nhưng vẫn không có kết quả.

- Năm 1566, một đoàn đại biểu của Hội hòa giải (một tổ chức của thanh niên quý tộc) đến gặp Toàn quyền của Tây Ban Nha ở Nêđécclan. Họ ăn mặc rách rưới để tượng trưng cho sự nghèo khổ của đất nước. Những yêu cầu của họ vẫn không được giải quyết, hơn nữa, một viên quan ở đó đã gọi họ là “bọn ăn mày”. Vì vậy, về sau, chữ “ăn mày” được sử dụng với ý nghĩa là “cách mạng”.

2. Cách mạng bùng nổ và chính sách khủng bố của Tây Ban Nha :

a. Sự nổi dậy của quần chúng (1566-1567):

Nhận thấy sự đấu tranh hợp pháp của một số quý tộc không đem lại kết quả, ngày 11-8-1566, nhân dân nhiều nơi ở miền Nam nổi dậy khởi nghĩa mà mục tiêu đấu tranh đầu tiên của họ là Giáo hội Thiên Chúa.

Họ mang theo gậy sắt, búa , thang, dây thừng xông vào các nhà thờ đập, phá tượng thánh, đồ thờ ... và hô to: “ Ăn mày muôn năm!”.

b. Chính sách khủng bố và vơ vét của chính quyền Tây Ban Nha:

- Tháng 8-1567, Philip II cử Công tước Anba đem 18.000 quân sang Nêđécclan. Anba lập tức thi hành chính sách khủng bố hết sức tàn bạo. Khắp Nêđécclan đâu đâu cũng đầy rẫy máy chém và giá treo cổ. Chỉ trong vòng 2 năm (1567-1569) đã có tới 8.000 người trong đó có cả Bá tước Ecmông và Đô đốc Hoócơ bị xử tử.

- Song song với chính sách khủng bố, Anba còn tịch thu tài sản những người bị giết, đặt ra chế độ thuế mới rất nặng nề... Mục đích của chính sách vơ vét này không chỉ nhằm làm giàu cho quốc khố Tây Ban Nha mà còn làm cho nhân dân Nêđécclan kiệt quệ do đó phải khuất phục.

c. Hoạt động quân sự của Vinhem Orăng và sự thành lập các đội du kích:

- Khi Anba kéo quân sang Nêđécclan, Vinhem Orăng đã chạy sang Đức. Nhờ sự giúp đỡ của phái Tân giáo ở Đức và Pháp, Vinhem Orăng chiêu mộ được một đội quân đánh thuê gồm 30.000 người. Năm 1568, ông đưa quân đánh thuê về Nêđécclan tấn công Tây Ban Nha nhưng bị thất bại.

- Trong khi đó, một bộ phận trong giai cấp tư sản, công nhân, thợ thủ công, nông dân ở miền Nam trốn vào rừng núi lập thành những đội du kích lấy tên là “Đội ăn mày trên rừng”.

Cũng thời gian ấy, thủy thủ, ngư dân, công nhân bến cảng ở miền Bắc cũng thành lập những đội du kích gọi là “Đội ăn mày trên biển”.

Chính phong trào chiến tranh du kích của nhân dân là sự chuẩn bị cho cao trào cách mạng sắp diễn ra.

3. Phong trào khởi nghĩa giành chính quyền ở các thành phố (1572-1578):

a. Phong trào khởi nghĩa ở miền Bắc:

Ngày 1-4-1572, một đội du kích trên biển đã chiếm được một thành phố nhỏ trên đảo thuộc tỉnh Dêlan. Sự kiện đó, là một tín hiệu mở đầu của phong trào khởi nghĩa rầm rộ ở các tỉnh miền Bắc. Đến mùa hè năm 1572, hai tỉnh Hôlan và Dêlan được hoàn toàn giải phóng. Đến cuối năm 1573, nhiều tỉnh khác cũng lần lượt tuyên bố độc lập.

b. Phong trào khởi nghĩa ở miền Nam:

Ngày 4-9-1576, ở Bruyksen nổ ra khởi nghĩa, cơ quan thống trị cuối cùng của Tây Ban Nha bị lật đổ.

Nhân những thắng lợi của cách mạng miền Nam, tháng 10-1576 ở Ghent đã triệu tập một cuộc hội nghị ba cấp toàn Nêđéc-lan. Hội nghị này thông qua một văn kiện gọi là “Hiệp định Ghent”. Hiệp định này đề cập đến nhiều vấn đề, trong đó chủ yếu nhất là vấn đề liên hợp lực lượng để trục xuất người Tây Ban Nha ra khỏi Nêđéc-lan.

4. Thắng lợi ở miền Bắc và sự thành lập nước Cộng hòa Hà Lan:

Ngày 6-1-1579, giới quý tộc muốn thỏa hiệp với Tây Ban Nha ở miền Nam thành lập đồng minh Arát định liên hợp với Tây Ban Nha để dập tắt phong trào cách mạng trong cả nước.

Ngày 26-7-1581, Hội nghị 3 cấp các tỉnh miền Bắc và một số thành phố lớn thành lập đồng minh Utrêct. Đồng minh Utrêct chính là cơ sở của việc thành lập nước cộng hòa tư sản ở miền Bắc Nêđéc-lan.

Ngày 26-7-1581, Hội nghị ba cấp các tỉnh miền Bắc và một số thành phố lớn chính thức tuyên bố phế truất Philip II với tư cách là vua Nêđéc-lan. Miền Bắc Nêđéc-lan trở thành một nước cộng hòa gọi là nước Cộng hòa liên tỉnh, về sau gọi là nước Cộng hòa Hà Lan. Vinhem Orăng được cử làm Tổng đốc. (Đến tháng 7-1584, ông bị tay sai của Philip II ám sát).

Còn ở miền Nam, từ năm 1581-1585, quân Tây Ban Nha chiếm lại được nhiều thành phố, phong trào cách mạng ở đây bị thất bại.

Trong khi đó, Tây Ban Nha gặp nhiều khó khăn liên tiếp, vì vậy, năm 1609, Tây Ban Nha phải ký với Hà Lan hiệp định đình chiến 12 năm. Theo hiệp định này,

Tây Ban Nha thừa nhận nền độc lập của miền Bắc Nêđécclan trong thời gian đình chiến.

Hiệp định đình chiến 1609 đánh dấu cuộc cách mạng ở miền Bắc Nêđécclan đã giành được thắng lợi. Đến năm 1648, nền độc lập của Hà Lan được nhiều nước Tây Âu công nhận.

Còn các tỉnh phía Nam tức là nước Bỉ sau này vẫn là xứ bảo hộ của Tây Ban Nha, đến thế kỷ XVIII lại lệ thuộc vào Áo và Pháp, đến năm 1830 mới được độc lập.

III. Tính chất , ý nghĩa và hạn chế của cách mạng Nêđécclan:

1. Tính chất:

Nhiệm vụ của cách mạng Nêđécclan là đánh đuổi bọn thống trị Tây Ban Nha, đồng thời lật đổ chế độ phong kiến nhằm đưa đất nước tiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa.

Do nhiệm vụ ấy quy định, cách mạng Nêđécclan là một cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức một cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

2. Ý nghĩa:

Thắng lợi của cách mạng Hà Lan có 2 ý nghĩa quan trọng:

a. Đây là cuộc cách mạng tư sản thành công đầu tiên trong lịch sử. Bởi vậy thắng lợi của cách mạng Hà Lan là dấu hiệu đầu tiên của sự thắng lợi tất yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa đối với chế độ phong kiến.

b. Thắng lợi của cách mạng ở miền Bắc Nêđécclan đã mở ra con đường phát triển nhanh chóng về mọi mặt làm cho Hà Lan trở thành “*một nước tư bản kiểu mẫu trong thế kỷ VXII*”.

Về kinh tế, các ngành công thương nghiệp đều phát triển nhanh chóng. Để việc buôn bán với những miền xa xôi được tiến hành một cách có tổ chức và có hiệu quả lớn, năm 1602, Hà Lan thành lập Công ty Đông Ấn Độ để buôn bán với phương Đông, năm 1626, lại thành lập Công ty Tây Ấn Độ để buôn bán với châu Mỹ.

Đồng thời, Hà Lan còn tích cực tìm kiếm đất thực dân. Kết quả, ở phương Đông, Hà Lan chiếm được một số cứ điểm ở Ấn Độ, Indônêxia, đảo Đài Loan... ở Tây bán cầu, Hà Lan chiếm được một vùng đất ở Bắc Mỹ rồi đặt tên là Hà Lan mới. Tại đây, năm 1626, họ dựng lên một thành phố gọi là “Amxtécđam mới”. Đó là Nữ Ước ngày nay.

Do sự phát triển của công thương nghiệp, hải cảng, Amxtécđam trở thành một thành phố rất sầm uất đồng thời là thủ đô kinh tế của Hà Lan (Thủ đô chính trị là La Hay).

Về văn hóa, nửa đầu thế kỷ XVII, Hà Lan cũng là nước tiên tiến. Năm 1575, trường Đại học Lâyđen, trường đại học Tân giáo đầu tiên ở châu Âu được thành lập. Hà Lan cũng là nước báo chí ra đời sớm nhất.

Đồng thời, các mặt khoa học kỹ thuật, triết học, sử học, luật học... cũng có nhiều thành tựu nổi bật.

3. Hạn chế :

Hạn chế lớn nhất của cách mạng Nêđéc-lan là cách mạng chỉ giành được thắng lợi ở nửa nước mà ngay ở đó so với yêu cầu của một cuộc cách mạng tư sản thì thành quả đạt được cũng chưa triệt để. Cụ thể là:

- Tuy thành lập chính thể cộng hòa nhưng chức Tổng đốc lại giao cho dòng họ Orăng nắm giữ hết đời này sang đời khác trong một thời gian dài.
- Nhân dân không được hưởng quyền tự do dân chủ. Số người có quyền bầu cử chỉ chiếm khoảng 0,2%.
- Nông dân không được giải quyết yêu cầu ruộng đất.

Nguyên nhân của những hạn chế đó là cuộc cách mạng Nêđéc-lan nổ ra trong điều kiện chủ nghĩa tư bản ở đây phát triển chưa chín muồi, nền kinh tế mang nặng tính chất thương nghiệp, thị trường chung chưa hình thành, cả nước chia thành 2 miền kinh tế với 2 trung tâm khác nhau là Amxtécđam và Anvécpen. Trong việc buôn bán với bên ngoài, 2 miền có quan hệ với những khu vực khác nhau, các chế độ đo lường, tiền tệ và thể lệ kinh doanh thương nghiệp cũng chưa thống nhất.

Còn công nghiệp không những chưa phát triển tương xứng với thương nghiệp mà còn đang ở giai đoạn công trường thủ công.

Mối liên hệ về văn hóa cũng chưa chặt chẽ. Toàn Nêđéc-lan chưa có một ngôn ngữ thống nhất mà miền Bắc nói tiếng Phlămăng, miền Nam nói tiếng Pháp, miền Đông nói tiếng Đức.

Do được hình thành trên cơ sở chế độ tư bản chưa chín muồi nên giai cấp tư sản Nêđéc-lan còn non yếu, chính vì vậy, trong quá trình đấu tranh họ thường tỏ ra thỏa hiệp và phải chia quyền lãnh đạo cho tầng lớp quý tộc mới.

ĐẶC ĐIỂM CỦA LỊCH SỬ PHƯƠNG TÂY TRUNG ĐẠI

1. Xã hội phương Tây thời trung đại là xã hội phong kiến. Quan hệ phong kiến ở đây là quan hệ *lãnh chúa nông nô*.
2. Thành thị ở phương Tây là trung tâm công thương nghiệp. Thành thị có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội.
3. Giáo hội Thiên Chúa có vai trò rất lớn. Giáo hội là trụ cột của chế độ phong kiến Tây Âu.
4. Đến thế kỷ XVI, quan hệ tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển phổ biến ở Tây Âu. Chế độ phong kiến bước vào thời kì tan rã.



NỘI DUNG ÔN TẬP



1. Sự hình thành chế độ ruộng đất phong kiến và chế độ nông nô ở vương quốc Phrăng.
2. Phương hội thủ công nghiệp. Ảnh hưởng của thành thị đối với chế độ phong kiến.
3. Giáo hội Kitô đầu thời Trung đại. Cuộc viễn chinh Thập tự lần thứ nhất và lần thứ tư. Hậu quả của phong trào của phong trào viễn chinh Thập tự.
4. Sự phát hiện con đường biển sang phương Đông và sự phát hiện châu Mỹ. Hậu quả của phát kiến địa lý.
5. Cải cách tôn giáo của Luthơ và Canvanh. Sự phản công của giáo hội Thiên Chúa.
6. Quá trình tích lũy vốn ban đầu của chủ nghĩa tư bản. Công trường thủ công. Sự ra đời của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.
7. Những nỗ lực của vua Pháp trong công cuộc thống nhất đất nước. Chế độ quân chủ chuyên chế thời Phrăng xoa I.
8. Nguyên nhân, tính chất, ý nghĩa và hạn chế của cách mạng Nêđéc-lan.

Phần II. LỊCH SỬ PHƯƠNG ĐÔNG THỜI TRUNG ĐẠI

Bài I. TRUNG QUỐC

I. CÁC TRIỀU ĐẠI TỪ TÂN ĐẾN THANH (221TCN – 1840)

1. Triều Tần (221-206):

a. Sự thống trị của triều Tần:

Sau khi thống nhất Trung Quốc, vua nước Tần là Doanh Chính xưng làm hoàng đế, lịch sử quen gọi là Tần Thủy Hoàng. Triều đại phong kiến thống nhất do ông thành lập cũng gọi là triều Tần.

Công việc đầu tiên của Tần Thủy Hoàng là xây dựng bộ máy nhà nước chuyên chế tập quyền trung ương, chia cả nước thành 36 quận, ngoài ra còn thi hành chế độ thống nhất trong cả nước về tiền tệ, đo lường, chữ viết và pháp luật.

Tuy nhiên, Tần Thủy Hoàng là một ông vua rất tàn bạo, thích chém giết để ra uy, lại bắt nhân dân phải xây dựng nhiều công trình kiến trúc đồ sộ như Vạn Lý trường thành, lăng Li Sơn, cung A Phòng v.v...

Tần Thủy Hoàng còn tiếp tục dùng đường lối pháp gia để trị nước, do đó ông đã ra lệnh tịch thu và thiêu hủy Kinh Thi, Kinh Thư của phái Nho gia và các tác phẩm của các nhà tư tưởng thời Chiến quốc. Đồng thời Tần Thủy Hoàng còn ra lệnh chôn sống 460 nhà nho vì đã vi phạm lệnh cấm của triều Tần.

Năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng chết, người con nối ngôi là Tần Nhị Thế tiếp tục thi hành đường lối thống trị tàn bạo nhưng lại là một kẻ ngu đần, mọi việc đều do quan hoạn Triệu Cao lũng đoạn.

b. Phong trào khởi nghĩa cuối Tần:

Sống dưới sự thống trị tàn bạo của nhà Tần, nhân dân Trung Quốc vô cùng cực khổ. Hơn nữa, những người bị xử tử và tù đầy không thể kể hết. Bởi vậy, nhân dân Trung Quốc chỉ còn chờ thời cơ để nổi dậy lật đổ nhà Tần.

Phong trào khởi nghĩa do Trần Thắng và Ngô Quăng lãnh đạo:

Trần Thắng và Ngô Quăng là những nông dân bị bắt đi trấn thủ ở Ngũ Dương. Năm 209 TCN, từ hương Đại Trạch, hai ông hô hào đồng đội nổi dậy khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân phát triển rất nhanh chóng. Đến đất Trần, Trần Thắng xưng làm vua. Nửa năm sau phong trào bị thất bại.

Phong trào chống Tần của Hạng Lương, Hạng Vũ và Lưu Bang:

Khi nghe tin Trần Thắng, Ngô Quăng khởi nghĩa, ở nhiều nơi nhiều người đã nổi dậy hưởng ứng, trong đó có chú cháu Hạng Lương, Hạng Vũ và Lưu Bang. Năm 206 TCN, quân Lưu Bang tiến vào kinh đô Hàm Dương của Triều Tần, vua cuối cùng của Tần là Tử Anh phải đầu hàng. Triều Tần sụp đổ. Ngay sau đó, Hạng Vũ kéo

quân vào Hàm Dương, giết Tử Anh, đốt cung thất, thu của cải châu báu và làm chủ đất Tần.

2. Triều Tây Hán. Triều Tân. Triều Đông Hán:

a. Cuộc chiến tranh Hán – Sở và sự thành lập triều Tây Hán (206 TCN – 8 CN):

Sau khi lật đổ nhà Tần, Hạng Vũ tự xưng làm Tây Sở Bá Vương và phong cho Lưu Bang làm Hán Vương. Ngay sau đó, giữa Hạng Vũ và Lưu Bang xảy ra một cuộc chiến tranh, lịch sử gọi là cuộc chiến tranh Hán Sở. Đến năm 202 TCN, Hạng Vũ thua phải tự tử. Lưu Bang lên làm Hoàng đế, hiệu là Hán Cao Tổ, đóng đô ở Trường An nên gọi là Tây Hán.

b. Sự đấu tranh trong nội bộ triều Tây Hán:

- Khi nhà Hán mới thành lập, Hán Cao Tổ đã phong đất phong vương cho những người thân thích và các công thần nhưng không bao lâu, Hán Cao Tổ sợ lực lượng của các vương khác họ như Hàn Tín, Anh Bố, Bành Việt,... quá lớn, do đó đã gán cho họ tội có mưu đồ làm phản để tiêu diệt họ.

- Năm 195 TCN, Hán Cao Tổ chết, Huệ Đế được nối ngôi, nhưng mọi việc đều do Lữ Hậu (hoàng hậu của Cao Tổ) quyết định. Năm 188 TCN, Huệ Đế chết, Lữ Hậu nghiễm nhiên trở thành người cầm quyền như hoàng đế. Trong thời gian đó, Lữ Hậu đã giao cho những người họ Lữ quyền cao chức trọng. Năm 180 TCN, Lữ Hậu chết, ngai vàng của họ Lưu lại được củng cố.

c. Sự cường thịnh của Triều Hán:

Sau một thời gian ổn định, năm 140 TCN, Hán Vũ Đế (140 – 87 TCN) lên ngôi, triều Tây Hán bước vào thời kỳ hùng mạnh nhất. Để tăng cường chế độ tập quyền Trung ương, Hán Vũ Đế thi hành chính sách làm giảm thế lực của các vương, đồng thời để được thống nhất về mặt tư tưởng, năm 136 TCN, Hán Vũ Đế ra lệnh chỉ đề cao Nho học, từ đó học thuyết này trở thành công cụ tinh thần để bảo vệ chế độ phong kiến Trung Quốc trên 2000 năm lịch sử.

Đối với bên ngoài, Hán Vũ Đế đã phát triển thế lực sang Trung Á, xâm lược Cổ Triều Tiên, chinh phục Nam Việt do đó đã thành lập một đế quốc có cương giới rất rộng lớn.

Triều Tân (9- 23):

Đến cuối thế kỷ I TCN, triều Tây Hán bước vào thời kỳ suy yếu. Trong khi đó, vua thường nhỏ tuổi, quyền bính rơi vào tay ngoại thích. Đến năm 8 TCN, nhà Tây Hán bị một người họ ngoại là Vương Mãng cướp ngôi. Triều Tây Hán kết thúc.

Sau khi cướp ngôi của Tây Hán, Vương Mãng lên làm vua lập nên một triều đại mới gọi là Tân.

Để cứu vãn tình hình nguy ngập cuối thời Tây Hán, Vương Mãng đã thi hành một số cải cách về quyền sở hữu ruộng đất, về nô tỳ,... nhưng không thành công.

Phong trào chiến tranh nông dân Lục Lâm- Mây Đỏ và sự thành lập triều Đông Hán:

Cuộc cải cách của Vương Mãng không giải quyết được những khó khăn trong xã hội. Nông dân vẫn rất đói khổ.

- Năm 17, nông dân vùng Hồ Bắc dưới sự lãnh đạo của Vương Khuông, Vương Phượng nổi dậy khởi nghĩa. Họ lấy núi Lục Lâm làm căn cứ nên gọi là quân Lục Lâm. Tham gia hàng ngũ khởi nghĩa có một số địa chủ như Lưu Huyền và hai anh em Lưu Điền Lưu Tú. Quân khởi nghĩa cử Lưu Huyền làm vua. Năm 23, ở Trường An nổ ra binh biến. Vương Mãng bị giết chết. Lưu Huyền vào làm vua ở Trường An.

- Năm 18, nông dân vùng Sơn Đông, dưới sự lãnh đạo của Phan Sùng cũng nổi dậy khởi nghĩa. Để làm dấu hiệu riêng, nông dân bôi đỏ lông mày nên gọi là quân Mây Đỏ (Xích Mi). Quân Mây Đỏ cử Lưu Bồn Tử lên làm vua rồi tiến sang phía Tây tấn công Trường An. Lưu Huyền đầu hàng. Lưu Bồn Tử tiếp quản Trường An.

- Sau khi Lưu Huyền được tôn lên làm vua, Lưu Diễn bị giết còn Lưu Tú được cử lên vùng Hà Bắc để xây dựng lực lượng. Năm 25, quân Lưu Tú chiếm được Lạc Dương. Lưu Tú tự xưng làm Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Hán, vì kinh đô đóng ở Lạc Dương nên gọi là Đông Hán (25-220).

Phong trào chiến tranh nông dân Khăn Vàng :

Trong thời kỳ đầu, xã hội thời Đông Hán cũng tương đối ổn định, nhưng từ đầu thế kỷ II về sau, trong triều đình thường xảy ra cuộc đấu tranh giữa họ ngoại và hoạn quan nên tình hình chính trị hết sức rối ren, thêm vào đó, nhiều loại thiên tai thường xuyên xảy ra, nhân dân vô cùng khốn khổ.

Năm 184, Giáo trưởng của đạo Thái Bình là Trương Giác lãnh đạo nông dân nổi dậy khởi nghĩa. Để làm dấu hiệu riêng, quân nông dân chít khăn vàng nên cuộc khởi nghĩa này được gọi là khởi nghĩa Khăn Vàng (Hoàng Cân). Phong trào này chỉ tồn tại 8 tháng thì bị đàn áp. Triều Đông Hán tuy chưa bị lật đổ nhưng từ đó vua Đông Hán trở thành bù nhìn trong tay các tướng quân phiệt như Đổng Trác, Tào Tháo. Đến năm 220, vua Đông Hán buộc phải “nhường ngôi” cho con của Tào Tháo là Tào Phi. Triều Đông Hán diệt vong.

3. Thời kỳ Tam quốc .Tấn- Nam Bắc triều :

a. Tam quốc (220- 280):

Cuối thời Đông Hán, do chính phủ trung ương suy yếu, trong cả nước xuất hiện nhiều tập đoàn quân phiệt. Sau một thời gian tiêu diệt lẫn nhau, đến đầu thế kỷ III chỉ còn lại 3 thế lực: Tào Tháo ở miền Bắc, Tôn Quyền ở Đông Nam, Lưu Bị ở Tây Nam.

Năm 220, Tào Tháo chết, Tào Phi cướp ngôi của Đông Hán lên làm Hoàng đế, đóng đô ở Lạc Dương, đặt quốc hiệu là Ngụy (220-265).